SAO Y; Bộ Khoa học và Công nghệ; 06/10/2025 15:31:17

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3058 /QĐ-BKHCN	*Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia của các Bộ, ngành đợt 2 năm 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BKHCN ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này:

a. Bổ sung kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) đợt 2 năm 2025 (Phụ lục I).

b. Điều chỉnh kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) đợt 2 năm 2025 (Phụ lục II).

Điều 2. Kinh phí thực hiện kế hoạch xây dựng TCVN trên do các Bộ, ngành xây dựng dự thảo TCVN chủ động cân đối từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 cấp cho các Bộ, ngành và các nguồn kinh phí tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân khác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Xuân Định;
- Các Bộ, ngành có liên quan;
- Lưu: VT, TĐC (03).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Xuân Định

CỘNG NGHỆ

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA (TCVN) ĐỢT 2 NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3058 /QĐ-BKHCN ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Lĩnh vực/ đối tượng TCVN	Tên TCVN	Tên, số hiệu tiêu chuẩn, tài liệu kỹ thuật làm căn cứ xây dựng	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng dự thảo TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Ghi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
I.	**BỘ XÂY DỰNG (140 TCVN)**								
Xây dựng (103 TCVN)									
1.		Cơ sở thiết kế kết cấu	Trên cơ sở tham khảo EN 1990	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
2.		Tác động lên kết cấu – Phần 1-1: Tác động chung – Khối lượng thể tích của vật liệu, trọng lượng bản thân và hoạt tải cho công trình	Trên cơ sở tham khảo EN 1991-1-1	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
3.		Tác động lên kết cấu – Phần 1-2: Tác động chung – Tác động lên kết cấu tiếp xúc với lửa	Trên cơ sở tham khảo EN 1991-1-2	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			

4.		Tác động lên kết cấu – Phần 1-4: Tác động chung – Tác động gió	Trên cơ sở tham khảo EN 1991-1-4	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
5.		Tác động lên kết cấu – Phần 1-5: Tác động chung – Tác động nhiệt	Trên cơ sở tham khảo EN 1991-1-5	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
6.		Tác động lên kết cấu – Phần 1-6: Tác động chung – Tác động trong quá trình thi công	Trên cơ sở tham khảo EN 1991-1-6	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
7.		Tác động lên kết cấu – Phần 1-7: Tác động chung – Tác động sự cố	Trên cơ sở tham khảo EN 1991-1-7	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
8.		Tác động lên kết cấu – Phần 3: Tác động do cần trục và máy móc	Trên cơ sở tham khảo EN 1991-3	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
9.		Tác động lên kết cấu – Phần 4: Si lô và bể chứa	Trên cơ sở tham khảo EN 1991-4	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
10.		Thiết kế kết cấu bê tông – Phần 1-1: Quy định chung và quy định cho nhà	Trên cơ sở tham khảo EN 1992-1-1	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			

11.		Thiết kế kết cấu bê tông – Phần 1-2: Quy định chung – Thiết kế kết cấu chịu lửa	Trên cơ sở tham khảo EN1992-1-2	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
12.		Thiết kế kết cấu bê tông – Phần 3: Kết cấu chứa chất lỏng và vật liệu rời	Trên cơ sở tham khảo EN 1992-3	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
13.		Thiết kế kết cấu thép – Phần 1-1: Quy định chung và quy định cho nhà	Trên cơ sở tham khảo EN 1993-1-1	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
14.		Thiết kế kết cấu thép – Phần 1-2: Quy định chung – Thiết kế kết cấu chịu lửa	Trên cơ sở tham khảo EN 1993-1-2	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
15.		Thiết kế kết cấu thép – Phần 1-3: Quy định chung - Quy định bổ sung cho cấu kiện và tấm tạo hình nguội	Trên cơ sở tham khảo EN 1993-1-3	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
16.		Thiết kế kết cấu thép – Phần 1-4: Quy định chung – Quy định bổ sung cho thép không gỉ	Trên cơ sở tham khảo EN 1993-1-4	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
17.		Thiết kế kết cấu thép – Phần 1-5: Các cấu kiện làm từ tấm	Trên cơ sở tham khảo EN 1993-1-5	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			

18.		Thiết kế kết cấu thép – Phần 1-6: Cường độ và ổn định kết cấu vỏ	Trên cơ sở tham khảo EN 1993-1-6	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
19.		Thiết kế kết cấu thép – Phần 1-7: Cường độ và ổn định của kết cấu bản phẳng chịu tải trọng ngoài mặt phẳng	Trên cơ sở tham khảo EN 1993-1-7	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
20.		Thiết kế kết cấu thép – Phần 1-8: Thiết kế mối nối	Trên cơ sở tham khảo EN 1993-1-8	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
21.		Thiết kế kết cấu thép – Phần 1-9: Mỏi	Trên cơ sở tham khảo EN 1993-1-9	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
22.		Thiết kế kết cấu thép – Phần 1-10: Độ dai và tính chất theo phương chiều dày của vật liệu	Trên cơ sở tham khảo EN 1993-1-10	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
23.		Thiết kế kết cấu thép – Phần 1-11: Thiết kế kết cấu có dây/thanh căng	Trên cơ sở tham khảo EN 1993-1-11	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
24.		Thiết kế kết cấu thép – Phần 1-12: Quy định bổ sung đối với vật liệu thép đến cấp cường độ S700	Trên cơ sở tham khảo EN 1993-1-12	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			

25.		Thiết kế kết cấu thép – Phần 3-1: Tháp, trụ và ống khói – Tháp và trụ	Trên cơ sở tham khảo EN 1993-3-1	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
26.		Thiết kế kết cấu thép – Phần 3-2: Tháp, trụ và ống khói – Ống khói	Trên cơ sở tham khảo EN 1993-3-2	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
27.		Thiết kế kết cấu thép – Phần 4-1: Si lô	Trên cơ sở tham khảo EN 1993-4-1	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
28.		Thiết kế kết cấu thép – Phần 4-2: Bể chứa	Trên cơ sở tham khảo EN 1993-4-2	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
29.		Thiết kế kết cấu thép – Phần 5: Đường ống	Trên cơ sở tham khảo EN 1993-5	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
30.		Thiết kế kết cấu thép – Phần 6: Kết cấu đỡ cần trục	Trên cơ sở tham khảo EN 1993-6	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
31.		Thi công kết cấu khối xây	Trên cơ sở tham khảo EN 1996-2	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
32.		Thiết kế địa kỹ thuật – Phần 1: Quy định chung	Trên cơ sở tham khảo EN 1997-1	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			

33.		Thiết kế địa kỹ thuật – Phần 2: Khảo sát và thí nghiệm đất nền	Trên cơ sở tham khảo EN 1997-2	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
34.		Thiết kế kết cấu chịu động đất – Phần 3: Đánh giá và gia cường nhà	Trên cơ sở tham khảo EN 1998-3	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
35.		Thiết kế kết cấu chịu động đất – Phần 4: Si lô, bể chứa và đường ống	Trên cơ sở tham khảo EN 1998-4	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
36.		Thiết kế kết cấu chịu động đất – Phần 6: Tháp, trụ và ống khói	Trên cơ sở tham khảo EN 1998-6	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
37.		Thiết kế kết cấu nhôm – Phần 1-1: Quy định chung cho kết cấu	Trên cơ sở tham khảo EN 1999-1-1	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
38.		Thiết kế kết cấu nhôm – Phần 1-2: Thiết kế kết cấu chịu lửa	Trên cơ sở tham khảo EN 1999-1-2	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
39.		Thiết kế kết cấu nhôm – Phần 1-3: Kết cấu chịu mỏi	Trên cơ sở tham khảo EN 1999-1-3	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
40.		Thiết kế kết cấu nhôm – Phần 1-4: Kết cấu tấm tạo hình nguội	Trên cơ sở tham khảo EN 1999-1-4	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			

41.		Thiết kế kết cấu nhôm – Phần 1-5: Kết cấu vỏ	Trên cơ sở tham khảo EN 1999-1-5	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
42.		Cốt liệu cho bê tông – Yêu cầu kỹ thuật	Trên cơ sở tham khảo EN 12620	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
43.		Bê tông – Yêu cầu kỹ thuật, tính năng, sản xuất và sự phù hợp	Trên cơ sở tham khảo EN 206	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
44.		Các quy định chung trong thử nghiệm cốt liệu – Phần 1: Phương pháp lấy mẫu	Trên cơ sở tham khảo EN 932-1	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
45.		Các quy định chung trong thử nghiệm cốt liệu – Phần 2: Phương pháp rút gọn mẫu phòng thí nghiệm	Trên cơ sở tham khảo EN 932-2	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
46.		Các quy định chung trong thử nghiệm cốt liệu – Phần 5: Trang thiết bị thường dùng và hiệu chuẩn	Trên cơ sở tham khảo EN 932-5	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
47.		Phương pháp thử các tính chất hình học của cốt liệu – Phần 1: Xác định thành phần hạt bằng phương pháp sàng	Trên cơ sở tham khảo EN 933-1	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			

48.		Phương pháp thử các tính chất hình học của cốt liệu – Phần 2: Xác định thành phần hạt - Sàng thử nghiệm, kích thước lỗ danh nghĩa	Trên cơ sở tham khảo EN 933-2	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
49.		Phương pháp thử các tính chất hình học của cốt liệu – Phần 4: Xác định hình dạng hạt - Chỉ số hình dạng	Trên cơ sở tham khảo EN 933-4	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
50.		Phương pháp thử các tính chất hình học của cốt liệu – Phần 9: Đánh giá hạt mịn bằng thí nghiệm xanh methylene	Trên cơ sở tham khảo EN 933-9	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
51.		Phương pháp thử các tính chất cơ lý của cốt liệu - Phần 2: Xác định độ chống dập vỡ	Trên cơ sở tham khảo EN 1097-2	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
52.		Phương pháp thử các tính chất cơ lý của cốt liệu – Phần 3: Xác định khối lượng thể tích xốp tự nhiên và độ hổng	Trên cơ sở tham khảo EN 1097-3	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			

53.		Phương pháp thử các tính chất cơ lý của cốt liệu – Phần 5: Xác định độ ẩm bằng tủ sấy	Trên cơ sở tham khảo EN 1097-5	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
54.		Phương pháp thử các tính chất cơ lý của cốt liệu – Phần 6: Xác định khối lượng thể tích và độ hút nước	Trên cơ sở tham khảo EN 1097-6	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
55.		Phương pháp thử các tính chất nhiệt và thời tiết của cốt liệu – Phần 4: Xác định độ co khô	Trên cơ sở tham khảo EN 1367-4	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
56.		Phương pháp thử các tính chất hóa học của cốt liệu - Phần 1: Phân tích hoá học	Trên cơ sở tham khảo EN 1744-1	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
57.		Vữa xây dựng – Yêu cầu kỹ thuật – Phần 1: Vữa trát	Trên cơ sở tham khảo EN 998-1	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
58.		Vữa xây dựng – Yêu cầu kỹ thuật – Phần 2: Vữa xây	Trên cơ sở tham khảo EN 998-2	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
59.		Phương pháp thử vữa xây dựng – Phần 1: Xác định thành phần hạt (phương pháp sàng)	Trên cơ sở tham khảo EN 1015-1	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			

60.		Phương pháp thử vữa xây dựng – Phần 2: Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	Trên cơ sở tham khảo EN 1015-2	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
61.		Phương pháp thử vữa xây dựng – Phần 3: Xác định độ lưu động của hỗn hợp vữa (phương pháp bàn dằn)	Trên cơ sở tham khảo EN 1015-3	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
62.		Phương pháp thử vữa xây dựng – Phần 4: Xác định độ lưu động của hỗn hợp vữa (phương pháp xuyên chùy)	Trên cơ sở tham khảo EN 1015-4	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
63.		Phương pháp thử vữa xây dựng – Phần 6: Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp vữa	Trên cơ sở tham khảo EN 1015-6	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
64.		Phương pháp thử vữa xây dựng – Phần 7: Xác định hàm lượng bọt khí của hỗn hợp vữa	Trên cơ sở tham khảo EN 1015-7	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
65.		Phương pháp thử vữa xây dựng – Phần 9: Xác định thời gian làm việc và thời gian điều chỉnh của hỗn hợp vữa	Trên cơ sở tham khảo EN 1015-9	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			

66.		Phương pháp thử vữa xây dựng – Phần 10: Xác định khối lượng thể tích khô của vữa đóng rắn	Trên cơ sở tham khảo EN 1015-10	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
67.		Phương pháp thử vữa xây dựng – Phần 11: Xác định cường độ chịu uốn và chịu nén của vữa đóng rắn	Trên cơ sở tham khảo EN 1015-11	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
68.		Phương pháp thử vữa xây dựng – Phần 12: Xác định cường độ bám dính với nền của vữa trát đóng rắn	Trên cơ sở tham khảo EN 1015-12	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
69.		Phương pháp thử vữa xây dựng – Phần 17: Xác định hàm lượng clorua hòa tan trong nước của hỗn hợp vữa	Trên cơ sở tham khảo EN 1015-17	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
70.		Phương pháp thử vữa xây dựng – Phần 18: Xác định hệ số hút nước mao dẫn của vữa đóng rắn	Trên cơ sở tham khảo EN 1015-18	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
71.		Phương pháp thử bê tông – Phần 1: Hình dạng, kích thước và các yêu cầu khác đối với mẫu và khuôn	Trên cơ sở tham khảo EN 12390-1	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			

72.		Phương pháp thử bê tông – Phần 2: Chế tạo và dưỡng hộ mẫu thử cường độ	Trên cơ sở tham khảo EN 12390-2	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
73.		Phương pháp thử bê tông – Phần 3: Xác định cường độ chịu nén	Trên cơ sở tham khảo EN 12390-3	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
74.		Phương pháp thử bê tông – Phần 4: Cường độ chịu nén - Yêu cầu kỹ thuật đối với máy nén	Trên cơ sở tham khảo EN 12390-4	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
75.		Phương pháp thử bê tông – Phần 5: Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	Trên cơ sở tham khảo EN 12390-5	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
76.		Phương pháp thử bê tông – Phần 6: Xác định cường độ chịu kéo khi bửa	Trên cơ sở tham khảo EN 12390-6	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
77.		Phương pháp thử bê tông – Phần 7: Xác định khối lượng thể tích	Trên cơ sở tham khảo EN 12390-7	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
78.		Phương pháp thử bê tông – Phần 8: Xác định chiều sâu thấm nước dưới áp lực	Trên cơ sở tham khảo EN 12390-8	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
79.		Phương pháp thử bê tông – Phần 13: Xác định mô đun đàn hồi khi nén	Trên cơ sở tham khảo EN 12390-13	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			

80.		Phương pháp thử bê tông – Phần 16: Xác định độ co	Trên cơ sở tham khảo EN 12390-16	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
81.		Phương pháp thử hỗn hợp bê tông – Phần 1: Lấy mẫu và dụng cụ thông dụng	Trên cơ sở tham khảo EN 12350-1	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
82.		Phương pháp thử hỗn hợp bê tông – Phần 2: Xác định độ sụt	Trên cơ sở tham khảo EN 12350-2	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
83.		Phương pháp thử hỗn hợp bê tông – Phần 3: Xác định độ cứng Vebe	Trên cơ sở tham khảo EN 12350-3	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
84.		Phương pháp thử hỗn hợp bê tông – Phần 4: Xác định độ đầm chặt	Trên cơ sở tham khảo EN 12350-4	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
85.		Phương pháp thử hỗn hợp bê tông – Phần 6: Xác định khối lượng thể tích	Trên cơ sở tham khảo EN 12350-6	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
86.		Phương pháp thử hỗn hợp bê tông – Phần 7: Xác định hàm lượng bọt khí theo phương pháp áp suất	Trên cơ sở tham khảo EN 12350-7	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
87.		Thiết kế kết cấu liên hợp thép và bê tông –	Trên cơ sở tham khảo EN 1994-1-1	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2025	2026			

		Phần 1: Quy định chung và quy định cho nhà							
88.		Thiết kế kết cấu liên hợp thép và bê tông – Phần 2: Quy định chung – Thiết kế kết cấu chịu lửa	Trên cơ sở tham khảo EN 1994-1-2	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2025	2026			
89.		Bể thép hàn hình trụ đứng đáy phẳng đặt trên mặt đất, chế tạo tại công trường, dùng để chứa chất lỏng ở nhiệt độ môi trường và cao hơn – Phần 1: Yêu cầu thiết kế	Trên cơ sở tham khảo EN 14015	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	2025	2026			
90.		Bể thép hàn hình trụ đứng đáy phẳng đặt trên mặt đất, chế tạo tại công trường, dùng để chứa chất lỏng ở nhiệt độ môi trường và cao hơn – Phần 2: Yêu cầu chế tạo	Trên cơ sở tham khảo EN 14015	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	2025	2026			
91.		Bể thép hàn hình trụ đứng đáy phẳng đặt trên mặt đất, chế tạo tại công trường, dùng để chứa chất lỏng ở nhiệt độ môi trường và cao hơn – Phần 3:	Trên cơ sở tham khảo EN 14015	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	2025	2026			

		Yêu cầu thử nghiệm							
92.		Viên xây – Yêu cầu kỹ thuật – Phần 1: Viên xây đất sét nung	Trên cơ sở tham khảo EN 771-1	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
93.		Viên xây – Phương pháp thử – Phần 1: Xác định cường độ chịu nén	Trên cơ sở tham khảo EN 772-1	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
94.		Viên xây – Phương phương pháp thử – Phần 6: Xác định cường độ chịu kéo khi uốn của viên xây bê tông cốt liệu	Trên cơ sở tham khảo EN 772-6	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
95.		Viên xây - Phương pháp thử – Phần 9: Xác định thể tích, độ rỗng và thể tích thực của viên xây đất sét nung và viên xây canxi silicat bằng phương pháp rót cát	Trên cơ sở tham khảo EN 772-9	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
96.		Viên xây – Phương pháp thử – Phần 13: Xác định khối lượng thể tích khô thực và khối lượng thể tích khô tổng của viên xây (trừ viên xây đá tự nhiên)	Trên cơ sở tham khảo EN 772-13	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			

97.		Viên xây – Phương pháp thử – Phần 21: Xác định độ hút nước của viên xây đất sét nung và viên xây canxi silicat bằng phương pháp ngâm nước	Trên cơ sở tham khảo EN 772-21	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
98.		Xi măng – Phần 1: Thành phần, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chí phù hợp đối với xi măng thông dụng	Trên cơ sở tham khảo EN 197-1	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
99.		Xi măng – Phần 2: Đánh giá và xác minh sự ổn định về tính năng	Trên cơ sở tham khảo EN 197-2	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
100.		Phương pháp thử xi măng – Phần 1: Xác định cường độ	Trên cơ sở tham khảo EN 196-1	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
101.		Phương pháp thử xi măng – Phần 3: Xác định thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	Trên cơ sở tham khảo EN 196-3	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
102.		Phương pháp thử xi măng – Phần 5: Thử nghiệm đặc tính puzolan cho xi măng puzolan	Trên cơ sở tham khảo EN 196-5	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			

103.		Phương pháp thử xi măng – Phần 7: Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu xi măng	Trên cơ sở tham khảo EN 196-7	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
Đường sắt (37 TCVN)									
104.		Kết cấu hạ tầng đường sắt – Bộ phụ kiện liên kết ray Phần 1: Từ vựng	ISO 22074-1:2020	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
105.		Kết cấu hạ tầng đường sắt – Bộ phụ kiện liên kết ray - Phần 2: Phương pháp thử nghiệm xác định lực cản dọc ray	ISO 22074-2:2021	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
106.		Kết cấu hạ tầng đường sắt – Bộ phụ kiện liên kết ray - Phần 3: Phương pháp thử nghiệm xác định lực chống nhổ lõi	ISO 22074-3:2021	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
107.		Kết cấu hạ tầng đường sắt - Bộ phụ kiện liên kết ray - Phần 4: Phương pháp thử nghiệm khả năng chịu tải trọng lặp	ISO 22074-4:2022	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			

108.		Kết cấu hạ tầng đường sắt – Bộ phụ kiện liên kết ray phần 5: Phương pháp thử nghiệm điện trở	ISO 22074-5:2021	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
109.		Kết cấu hạ tầng đường sắt – Bộ phụ kiện liên kết ray - Phần 6: Phương pháp thử nghiệm khả năng chống chịu trong điều kiện môi trường khắc nghiệt	ISO 22074-6:2021	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
110.		Kết cấu hạ tầng đường sắt – Bộ phụ kiện liên kết ray phần 7: Phương pháp thử nghiệm lực kẹp và độ cứng theo phương thẳng đứng	ISO 22074-7:2021	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
111.		Kết cấu hạ tầng đường sắt – Bộ phụ kiện liên kết ray – Phần 8: Phương pháp thử nghiệm độ cứng theo phương thẳng đứng	ISO 22074-8:2022	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
112.		Ứng dụng đường sắt - Tà vẹt và dầm đỡ bê tông cho đường ray - Phần 1: Yêu cầu chung	ISO 22480-1:2022	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			

113.		Ứng dụng đường sắt - Tà vẹt và dầm đỡ bê tông cho đường ray - Phần 2: Tà vẹt bê tông dự ứng lực một khối	ISO 22480-2:2022	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
114.		Ứng dụng đường sắt – Chất lượng hình học đường ray – Phần 1: Đặc trưng hình học đường ray và chất lượng hình học đường ray	ISO 23054-1:2022	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
115.		Cơ sở hạ tầng đường sắt – Hàn ray – Phần 1: Yêu cầu chung và phương pháp thử đối với hàn ray	ISO 23300-1:2021	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
116.		Kết cấu hạ tầng đường sắt – Kiểm tra ray trên đường bằng phương pháp không phá hủy – Phần 1: Yêu cầu đối với kiểm tra bằng siêu âm và các nguyên tắc đánh giá	ISO 5735-1:2024	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
117.		Ứng dụng đường sắt - Tà vẹt, tà vẹt ghi và tà vẹt trên mặt cầu hở bằng composite polymer — Phần 1: đặc tính vật liệu	ISO 12856-1:2022	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			

118.		Ứng dụng đường sắt — Tà vẹt, tà vẹt ghi và tà vẹt trên mặt cầu hở bằng composite polymer — Phần 2: Thử nghiệm sản phẩm	ISO 12856-2:2020	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
119.		Ứng dụng đường sắt — Tà vẹt, tà vẹt ghi và tà vẹt trên mặt cầu hở bằng composite polymer — Phần 3: Yêu cầu chung	ISO 12856-3:2022	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
120.		Ứng dụng đường sắt - Hệ thống hãm - Chất lượng khí nén cho các thiết bị và hệ thống khí nén	ISO 4975:2022	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
121.		Ứng dụng đường sắt — Lớp phủ cho các phương tiện đường sắt chở khách	ISO 9466:2025	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
122.		Ứng dụng đường sắt - Khối lượng tham chiếu của phương tiện	ISO 10516:2025	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
123.		Ứng dụng đường sắt — Hệ thống sưởi, thông gió và điều hòa không khí cho phương tiện đường sắt - Phần 1: Thuật ngữ và định nghĩa	ISO 19659-1:2017	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			

124.		Ứng dụng đường sắt — Hệ thống sưởi, thông gió và điều hòa không khí cho phương tiện đường sắt - Phần 2: Tiện nghi nhiệt	ISO 19659-2:2020	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
125.		Ứng dụng đường sắt — Hệ thống sưởi, thông gió và điều hòa không khí cho phương tiện đường sắt - Phần 3: Hiệu quả năng lượng	ISO 19659-3:2022	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
126.		Ứng dụng đường sắt - Tính toán hiệu suất hãm (hãm dừng, hãm giảm tốc và hãm cố định) - Phần 1: Thuật toán tổng quát sử dụng phương pháp tính giá trị trung bình	ISO 20138-1:2018	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
127.		Ứng dụng đường sắt - Tính toán hiệu suất hãm (hãm dừng, hãm giảm tốc và hãm cố định) - Phần 2: Các thuật toán tổng quát sử dụng tính toán từng bước	ISO 20138-2:2019	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			

128.		Ứng dụng đường sắt - Phương pháp tính toán khả năng tái chế và thu hồi đối với đầu máy, toa xe	ISO 21106:2019	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
129.		Ứng dụng đường sắt - Các bộ phận hệ thống treo - Phần 1: Đặc tính và phương pháp thử đối với các bộ phận cơ khí – đàn hồi	ISO 22749-1:2021	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
130.		Ứng dụng đường sắt - Các bộ phận hệ thống treo - Phần 2: Quy trình phê duyệt và giám sát chất lượng đối với các bộ phận cơ khí – đàn hồi	ISO 22749-2:2021	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
131.		Ứng dụng đường sắt - Cửa sổ thân xe cho đầu máy, toa xe	ISO 22752:2021	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
132.		Ứng dụng đường sắt - Hệ thống hãm – Yêu cầu chung	ISO 24221:2024	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
133.		Ứng dụng đường sắt - Hệ thống hãm – Thuật ngữ chung	ISO 24478:2023	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
134.		Ứng dụng đường sắt - Bảo trì toa xe – Từ vựng	ISO 9879:2024	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			

135.		Ứng dụng đường sắt — các khái niệm và yêu cầu cơ bản đối với việc lập kế hoạch vận hành đường sắt trong trường hợp xảy ra động đất.	ISO 22888:2020	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
136.		Ứng dụng đường sắt - Trình mô phỏng lái tàu để đào tạo lái tàu	ISO 23019:2022	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
137.		Ứng dụng đường sắt – Tính toán thời gian chạy tàu để lập thời gian biểu – Phần 1: Yêu cầu	ISO 24675-1:2022	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
138.		Ứng dụng đường sắt – phòng cháy chữa cháy trên phương tiện đường sắt – Phần 1: Quy định chung	ISO 9828-1:2025	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
139.		Ứng dụng đường sắt – Hệ thống quản lý chất lượng đường sắt – ISO 9001:2015 và các yêu cầu cụ thể để áp dụng trong ngành đường sắt	ISO 22163:2023 và ISO 22163:2023/Amd 1:2024	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			
140.		Ứng dụng đường sắt – Từ vựng về an toàn phòng cháy chữa cháy của toa xe	ISO 25711:2025	Trường Đại học Công nghệ GTVT	2025	2025			

II. BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (40 TCVN)									
An toàn bức xạ điện từ trường (01 TCVN)									
141.		Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về giám sát mức và lập bản đồ cường độ trường điện từ (EMF)	+ ITU T. K83: SERIES K: Protection against interference: Monitoring of electromagnetic field levels. + ITU T. K113: SERIES K: Generation of radio-frequency electromagnetic field level maps.	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục TSVTĐ
Dịch vụ tin cậy (02 TCVN)									
142.		Giao dịch điện tử - Yêu cầu vận hành và kiểm soát đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy	Tham khảo ETSI EN 319 401	Bộ Khoa học và Công nghệ	07/2025	12/2025			TTCTĐT QG
143.		Giao dịch điện tử - Yêu cầu đối với chữ ký số và chứng thư chữ ký số	Tham khảo ANSI X9.62-2005, FIPS PUB 197, FIPS PUB 180-4, FIPS PUB 202, RFC 5280, RFC 3447, RFC 2630, RFC 5208, RFC 2986, RFC 3647, RFC 4523, RFC 4510, RFC 4511, RFC 4512, RFC 4513, RFC 2585, RFC 6960	Bộ Khoa học và Công nghệ	07/2025	12/2025			TTCTĐT QG

Hệ thống EMC – Trí thuệ nhân tạo (02 TCVN)									
144.		Tiêu chuẩn kết nối Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (Hệ thống EMC) đối với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tụchành chính và Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước	- Thông tư 21/2023/TT - BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, tính năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh. - Thông tư 22/2023/TT -BTTTT ngày31/12/2023 của Bộ Thông tinvà Truyền thông về cấu trúc, bố cục, yêu cầu kỹ thuật cho cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. - Nghị định 42/2022/N Đ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục CĐS
145.		Yêu cầu an ninh cơ bản cho Hệ thống Trí tuệ nhân tạo tạo sinh	Xây dựng mới	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			

Năng lượng nguyên tử (20 TCVN)									
146.		Từ điển về an toàn và an ninh hạt nhân - Thuật ngữ sử dụng trong an toàn hạt nhân, an ninh hạt nhân, bảo vệ bức xạ và ứng phó khẩn cấp	IAEA Nuclear Safety and Security Glossary Terminology Used in Nuclear Safety, Nuclear Security, Radiation Protection and Emergency Preparedness and Response (2022) 2022 (Interim) Edition	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN
147.		Khảo sát và lựa chọn địa điểm đối với cơ sở hạt nhân	Site Survey and Site Selection for Nuclear Installations SSG-35, IAEA	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN
148.		Đánh giá an toàn địa chấn đối với cơ sở hạt nhân	Evaluation of Seismic Safety for Nuclear Installations SSG-89, IAEA	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN
149.		Thiết kế chống động đất đối với cơ sở hạt nhân	Seismic Design for Nuclear Installations SSG-67, IAEA	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN
150.		Thiết kế cơ sở hạt nhân để chống lại các sự kiện bên ngoài (trừ động đất)	Design of Nuclear Installations Against External Events Excluding Earthquakes SSG-68, IAEA	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN
151.		Các nguy hại núi lửa trong đánh giá địa điểm đối với cơ sở hạt nhân	Volcanic Hazards in Site Evaluation for Nuclear Installations SSG-21, IAEA	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN

152.		Thiết kế hệ thống xử lý và lưu giữ nhiên liệu hạt nhân đối với nhà máy điện hạt nhân	Design of Fuel Handling and Storage Systems for Nuclear Power Plants SSG-63, IAEA	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN
153.		Các điều kiện thiết kế mở rộng và khái niệm loại trừ thực tế trong thiết kế nhà máy điện hạt nhân	Design Extension Conditions and the Concept of Practical Elimination in the Design of Nuclear Power Plants SSG-88, IAEA	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN
154.		Thiết kế hệ thống làm mát lò phản ứng và các hệ thống liên quan đối với nhà máy điện hạt nhân	Design of the Reactor Coolant System and Associated Systems for Nuclear Power Plants SSG-56, IAEA	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN
155.		Thiết kế nhà lò và các hệ thống liên quan đối với nhà máy điện hạt nhân	Design of the Reactor Containment and Associated Systems for Nuclear Power Plants SSG-53, IAEA	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN
156.		Thiết kế các hệ thống phụ trợ và hệ thống hỗ trợ đối với nhà máy điện hạt nhân	Design of Auxiliary Systems and Supporting Systems for Nuclear Power Plants SSG-62, IAEA	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN
157.		Thiết kế vùng hoạt đối với nhà máy điện hạt nhân	Design of the Reactor Core for Nuclear Power Plants SSG-52, IAEA	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN

158.		Kỹ thuật yếu tố con người trong thiết kế nhà máy điện hạt nhân	Human Factors Engineering in the Design of Nuclear Power Plants SSG-51, IAEA	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN
159.		Thiết kế hệ thống điện đối với nhà máy điện hạt nhân	Design of Electrical Power Systems for Nuclear Power Plants SSG-34, IAEA	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN
160.		Thiết kế hệ thống đo và điều khiển đối với nhà máy điện hạt nhân	Design of Instrumentation and Control Systems for Nuclear Power Plants SSG-39, IAEA	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN
161.		Các khía cạnh bảo vệ bức xạ trong thiết kế nhà máy điện hạt nhân	Radiation Protection Aspects of Design for Nuclear Power Plants IAEA, SSG90	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN
162.		Bảo vệ chống lại các nguy hại bên trong tại trong thiết kế nhà máy điện hạt nhân	Protection against Internal Hazards in the Design of Nuclear Power Plants SSG-64, IAEA	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN
163.		Nhà máy điện hạt nhân - Phòng điều khiển - Thiết kế	Nuclear power plants - Control rooms – Design IEC 60964:2018	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN
164.		Nhà máy điện hạt nhân - Phòng điều khiển - Phòng điều khiển bổ sung để tắt lò phản ứng mà không cần vào phòng điều khiển chính	Nuclear power plants - Control rooms - Supplementary control room for reactor shutdown without access to the main control room IEC 60965:2016	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN

165.		Bảo vệ thực thể đối với vật liệu hạt nhân và cơ sở hạt nhân	Physical Protection of Nuclear Material and Nuclear Facilities 27-G, IAEA	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			Cục ATBXHN
Hiệu suất năng lượng (05 TCVN)									
166.		Máy điều hòa không khí VRF/VRV – Hiệu suất năng lượng	Soát xét TCVN TCVN 13256:2021 Tự nghiên cứu, khảo sát và tham khảo tài liệu EN 14825:2022 và các Quy định của EU	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			BKT TCVN/TC /E1/SC5 *Hiệu suất năng lượng của thiết bị lạnh*
167.		Máy rửa bát gia dụng – Hiệu suất năng lượng	Tự nghiên cứu, khảo sát và tham khảo tài liệu quy định của EU 2019/2022	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			BKT TCVN/TC /E1 – *Máy điện và khí cụ điện*
168.		Máy rửa bát gia dụng – Phương pháp đo tính năng	Chấp nhận IEC 60436:2025	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			BKT TCVN/TC /E1 – *Máy điện và khí cụ điện*
169.		Bình đun nước nóng công nghệ bơm nhiệt – Hiệu suất năng lượng	Tự nghiên cứu, khảo sát và tham khảo tài liệu EN 16147:2017, Quy định của EU	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			BKT TCVN/TC/ E1 – *Máy điện và khí cụ điện*

170.		Bình đun nước nóng công nghệ bơm nhiệt – Phương pháp xác định hiệu suất năng lượng	Tự nghiên cứu, khảo sát và tham khảo tài liệu EN 16147:2017, Quy định của EU	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			BKT TCVN/TC /E1 – *Máy điện và khí cụ điện*
Hệ thống quản lý năng lượng (05 TCVN)									
171.		Hệ thống quản lý năng lượng – Hướng dẫn áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý năng lượng theo TCVN ISO 50001	Soát xét TCVN ISO 50004:2016 (ISO 50004:2014) Chấp nhận ISO 50004:2020	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			BKT TCVN/TC 301 *Hệ thống quản lý năng lượng*
172.		Hệ thống quản lý năng lượng – Đánh giá kết quả thực hiện năng lượng sử dụng chỉ số kết quả thực hiện năng lượng và đường cơ sở năng lượng	Soát xét TCVN ISO 50006:2016 (ISO 50006:2014) Chấp nhận ISO 50006:2023	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			BKT TCVN/TC 301 *Hệ thống quản lý năng lượng*
173.		Hệ thống quản lý năng lượng – Hướng dẫn áp dụng hệ thống quản lý năng lượng chung cho nhiều tổ chức	Chấp nhận ISO 50009:2021	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			BKT TCVN/TC 301 *Hệ thống quản lý năng lượng*

174.		Quản lý năng lượng và tiết kiệm năng lượng – Hướng dẫn về năng lượng ròng bằng không trong các hoạt động thông qua việc sử dụng hệ thống quản lý năng lượng theo ISO 50001	Chấp nhận ISO/PAS 50010:2023	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			BKT TCVN/TC 301 *Hệ thống quản lý năng lượng*
175.		Hệ thống quản lý năng lượng – Đánh giá quản lý năng lượng thông qua sử dụng TCVN ISO 50001	Chấp nhận ISO/TS 50011:2023	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			BKT TCVN/TC 301 *Hệ thống quản lý năng lượng*
Thang máy (01 TCVN)									
176.		Thang máy - Yêu cầu chugn trong vận hành, bảo trì, sửa chữa và sử dụng	Tham khảo EN 13015:2017 và các tài liệu có liên quan	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2025			BKT TCVN/TC 178 *Thang máy*
Thép không gỉ (01 TCVN)									
177.		Thép không gỉ làm đĩa phanh mô tô, xe máy	Soát xét TCVN 13627:2023 Kết quả nghiên cứu của Nhật Bản và thử nghiệm tại Việt Nam, tham khảo tài liệu của Trung Quốc Q/TB 3133-2022	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2026			BKT TCVN/TC 17 *Thép*

Thực phẩm (03 TCVN)									
178.		Thực phẩm - Hướng dẫn cung cấp thông tin đối với sản phẩm	Tham khảo CAC/GL 1-1979, Revised 1991. Amended 2009	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2026			BKT TCVN/TC /F6 *Dinh dưỡng và thức ăn kiêng*
179.		Thực phẩm – Hướng dẫn về dung sai của các thành phần dinh dưỡng	Tham khảo hướng dẫn của EC No 2870/2000	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2026			BKT TCVN/TC /F6 *Dinh dưỡng và thức ăn kiêng*
180.		Đồ uống không cồn – Xác định hàm lượng đường tổng số – Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	Tham khảo GB 5009.8-2016 và các tài liệu liên quan	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	2026			BKT TCVN/TC /F6 *Dinh dưỡng và thức ăn kiêng*

III. BỘ CÔNG AN (03 TCVN)									
Phòng cháy chữa cháy (02 TCVN)									
181.		Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy - Yêu cầu thiết kế	Bộ tiêu chuẩn TCVN 7447 (IEC 60364); SP 6.13130.2021; NFPA 110, NFPA 70 (NEC), NFPA 72	C07, Bộ Công an	2025	2026			
182.		Phòng cháy chữa cháy - Ký hiệu trong bản vẽ hệ thống phòng cháy và chữa cháy - Yêu cầu kĩ thuật	NFPA 170:2024, BS 1635:1990	C07, Bộ Công an	2025	2026			
An ninh mạng (01 TCVN)									
183.		An ninh mạng - Tường lửa - Yêu cầu kỹ thuật chung	TCVN 12819:2020, TCVN 12820:2020	A05, Bộ Công an	2025	2026			

Chú thích: Trong quá trình thực hiện kế hoạch, tên gọi TCVN trong kế hoạch có thể được xem xét, nghiên cứu xác định lại cho phù hợp với nội dung, đối tượng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) tương ứng.

Phụ lục II

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA (TCVN) ĐỢT 2 NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3058/QĐ-BKHCN ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Lĩnh vực/ đối tượng TCVN	Tên TCVN	Tên, số hiệu tiêu chuẩn, tài liệu kỹ thuật làm căn cứ xây dựng	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng dự thảo TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Ghi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
I.	**BỘ XÂY DỰNG (02 TCVN)**								
Phương tiện giao thông đường bộ									
1.		Tiêu chuẩn về giới hạn mức tiêu thụ nhiên liệu và phương pháp đánh giá đối với xe mô tô, xe gắn máy hai bánh.	- Thay thế TCVN 7356:2014 - Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: Các báo cáo nghiên cứu liên quan đến xây dựng đường cơ sở tiêu thụ nhiên liệu, các đề xuất quy định về mức tiêu thụ nhiên liệu	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2025	2026			

2.		Tiêu chuẩn giới hạn mức tiêu thụ nhiên liệu và phương pháp đánh giá đối với xe ô tô con loại từ 09 chỗ trở xuống.	- Thay thế TCVN 7356:2014 - Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: + Các báo cáo nghiên cứu liên quan đến xây dựng đường cơ sở tiêu thụ nhiên liệu, các đề xuất quy định về mức	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2025	2026			
II. BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (25 TCVN)									
Di sản văn hóa (05 TCVN)									
3.		Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật - Yêu cầu thiết kế	Xây dựng mới trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo tài liệu nước ngoài, đề tài nghiên cứu, tài liệu chuyên khảo, sách hướng dẫn chuyên môn cho công việc thiết kế; kinh nghiệm thực tiễn qua các lần lập hồ sơ thiết kế trong công tác tu bổ, bảo quản, phục hồi một số công trình di tích	Viện Bảo tồn di tích	2025	2026			

4.		Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích kiến trúc nghệ thuật - Yêu cầu về vật liệu, kỹ thuật thi công và nghiệm thu đền tháp Champa	Xây dựng mới, trên cơ sở tham khảo kết quả khoa học của các chương trình nghiên cứu và dự án lớn tu bổ bảo tồn đền tháp Chăm tại Miền Trung; kết quả nghiên cứu của chương trình Nghị định thư về trùng tu bảo tồn kiến trúc gạch Champa	Viện Bảo tồn di tích	2025	2026			
5.		Bảo tồn di sản văn hóa - Hướng dẫn thiết kế tủ trưng bày và lưu giữ hiện vật - Phần 1: Yêu cầu chung *(Conservation of cultural heritage - Guidelines for design of showcases for exhibition and preservation of objects - Part 1: General requirement)*	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận BS EN 15999- 1:2014	Cục Di sản văn hóa	2025	2026			

6.		Bảo tồn di sản văn hóa - Các nguyên tắc đóng gói vận chuyển *(Conservation of cultural heritage - Packing principles for transport)*	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận BS EN 15946:2011	Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia TP.Hồ Chí Minh	2025	2026			
7.		Bảo tồn di sản văn hóa - Quy trình bảo quản - Ra quyết định, lập kế hoạch và thực hiện (*Conservation of cultural heritage - Conservation process - Decision making, planning and implementation*)	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận tương đương BS EN 16853:2017	Cục Di sản văn hóa	2025	2026			
Điện ảnh (05 TCVN)									
8.		Bản gốc phân phối điện ảnh kỹ thuật số - Phần 1: Đặc tính hình ảnh *(Digital cinema (D cinema) distribution master - Part 1: Image characteristics)*	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 26428- 1:2008	Viện phim Việt Nam	2025	2026			

9.		Bản gốc phân phối điện ảnh kỹ thuật số - Phần 2: Đặc tính âm thanh *(Digital cinema (D cinema) distribution master - Part 2: Audio characteristics)*	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 26428- 2:2008	Viện phim Việt Nam	2025	2026			
10.		Bản gốc phân phối điện ảnh kỹ thuật số - Phần 9: Cấu trúc điểm ảnh mức 3 - Định dạng tín hiệu giao diện kỹ thuật số nối tiếp *(Digital cinema (D cinema) distribution master - Part 9: Image pixel structure level 3)*	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 26428- 9:2009	Viện phim Việt Nam	2025	2026			
11.		Bản gốc phân phối điện ảnh kỹ thuật số - Phần 11: Tốc độ hình bổ sung *(Digital cinema (D- cinema) distribution master - Part 11: Additional frame rates)*	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 26428- 11:2011	Viện phim Việt Nam	2025	2026			

12.		Bản gốc phân phối điện ảnh kỹ thuật số - Phần 19: Định dạng tín hiệu giao diện kỹ thuật số nối tiếp cho tốc độ hình bổ sung mức AFR2 và mức AFR4 *(Digital cinema (D cinema) distribution master - Part 19: Serial digital interface signal formatting for additional frame rates level AFR2 and level AFR4)*	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 26428- 19:2011	Viện phim Việt Nam	2025	2026			
Du lịch (06 TCVN)									
13.		Du lịch và các dịch vụ liên quan - Nhà hàng truyền thống - Các khía cạnh về trực quan, trang trí và dịch vụ (*Tourism and related services - Traditional restaurants - Visual*	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 21621:2021	Trường Cao đẳng Du lịch Huế	2025	2026			

		aspects, decoration and services)							
14.		Du lịch mạo hiểm - Hoạt động đi bộ đường dài và đi bộ xuyên rừng - Yêu cầu và khuyến nghị (*Adventure tourism - Hiking* and *trekking activities - Requirements* and *recommendations*)	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 3021:2023	Trường Cao đẳng Du lịch Nha Trang	2025	2026			
15.		Du lịch mạo hiểm - Thuật ngữ và định nghĩa (*Adventure toursm - Vocabulary*)	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận hoàn toàn tương đương ISO 3163:2022	Viện Nghiên cứu phát triển du lịch	2025	2026			
16.		Khách sạn - Xếp hạng (*Hotel - Classification)*	Soát xét TCVN 4391:2015. Dựa trên Luật Du lịch 2017; Các tiêu chuẩn, quy định của ngành xây dựng và các ngành liên quan: TCVN 5605:1990 Khách sạn - Tiêu chuẩn thiết kế (ISO 22483:2020	Phòng Quản lý lưu trú du lịch – Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam	2025	2026			

			Tourism and related services - Hotels - Service requirements); Tiêu chuẩn tập đoàn Accor cho thương hiệu Ibis, Novotel và Pullman. Thông tư số 01/2014/TT BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ						
17.		Du lịch mạo hiểm - Thực hành tốt để phát triển bền vững - Các yêu cầu và khuyến nghị (*Adventure tourism - Good practices for sustainability - Requirements and recommendation*)	Xây dựng trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 20611:2018	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	2025	2026			
18.		Du lịch và các dịch vụ liên quan - Du lịch bền vững - Nguyên tắc, từ vựng và mô hình (*Tourism and*	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 23405:2022	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	2025	2026			

		related services - Sustainable tourism - Principles, vocabulary and model)							
Thể dục thể thao (09 TCVN)									
19.		Thiết bị leo núi - Băng (tải) - Yêu cầu an toàn và phương pháp thử *(Mountaineering equipment. Tape. Safety requirements and test methods)*	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương BS EN 565:2017	Viện Khoa học Thể dục thể thao	2025	2026			
20.		Thiết bị leo núi - Neo leo băng - Yêu cầu an toàn và phương pháp thử *(Mountaineering equipment. Ice anchors. Safety requirements and test methods)*	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương BS EN 568:2015	Viện Khoa học Thể dục thể thao	2025	2025			
21.		Thiết bị leo núi - Pít tông - Yêu cầu an toàn và phương pháp thử	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương BS EN 569:2007	Viện Khoa học Thể dục thể thao	2025	2025			

		(Mountaineering equipment. Pitons. Safety requirements and test methods)							
22.		Thiết bị leo núi - Hệ thống hấp thụ năng lượng sử dụng trong leo núi - Yêu cầu an toàn và phương pháp thử *(Mountaineering equipment. Energy absorbing systems for use in klettersteig (via ferrata) climbing. Safety requirements and test methods)*	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương BS EN 958:2017	Viện Khoa học Thể dục thể thao	2025	2026			
23.		Thiết bị leo núi - Neo leo núi trong nhà - Yêu cầu an toàn và phương pháp thử *(Mountaineering equipment. Rock anchors. Safety*	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương BS EN 959:2007	Viện Khoa học Thể dục thể thao	2025	2026			

		requirements and test methods)							
24.		Thiết bị leo núi - Dụng cụ leo trên băng - Yêu cầu an toàn và phương pháp thử *(Mountaineering equipment. Ice-tools. Safety requirements and test methods)*	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương BS EN 13089:2011+A1 :2015	Viện Khoa học Thể dục thể thao	2025	2026			
25.		Trung tâm thể hình - Yêu cầu về cơ sở vật chất và hoạt động - Yêu cầu về quản lý và vận hành *(Fitness centres - Requirements for centre amenities and operation - Operational and managerial requirements)*	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương BS EN 17229:2019	Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia TP.Hồ Chí Minh	2025	2026			
26.		Trang thiết bị thể thao và giải trí - Thiết bị Parkour - Yêu cầu an toàn và phương pháp thử	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương BS EN 16899:2016	Trường Đại học thể dục thể thao TP.Hồ Chí Minh	2025	2026			

		(*Sports and recreational equipment - Parkour equipment - Safety requirements and test methods*)							
27.		Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đào tạo thợ lặn có thiết bị thở chu trình kín - Lặn không giảm áp (*Recreational diving services - Requirements for rebreather diver training - No decompression diving*)	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 24804:2022	Trường Đại học TDTT Đà Nẵng	2025	2026			

Chú thích: Trong quá trình thực hiện kế hoạch, tên gọi TCVN trong kế hoạch có thể được xem xét, nghiên cứu xác định lại cho phù hợp với nội dung, đối tượng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) tương ứng.